

Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do

ThS. NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG^(*)

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, mở rộng tự do hóa thương mại, làn sóng ký kết các hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA) đang trở thành xu thế mới trong quan hệ kinh tế quốc tế. Không nằm ngoài xu thế đó, những năm qua, Việt Nam đã rất nỗ lực, tích cực tham gia ký kết nhiều FTA, mở ra các cơ hội phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với đó, tiến trình hội nhập và sự tham gia ngày càng sâu rộng của Việt Nam vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế, đòi hỏi từng doanh nghiệp (DN) cần có chiến lược phù hợp để thích nghi với môi trường kinh doanh mới, đáp ứng những đòi hỏi của thị trường cạnh tranh quốc tế. Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) hiện là loại hình DN chiếm đa số và là bộ phận quan trọng trong nền kinh tế. Sự thay đổi và vận động không ngừng của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập đã tạo nhiều cơ hội cho DNVVN mở rộng sản xuất và phát triển kinh doanh, đồng thời mang đến không ít khó khăn, thử thách. Nội dung bài viết tập trung nghiên cứu các cơ hội của DNVVN khi Việt Nam tham gia FTA,

nhận diện thách thức cốt lõi nhất mà DNVVN sẽ gặp phải, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm giúp DNVVN phát triển bền vững, góp phần vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế.

1. Tổng quan về tham gia FTA của Việt Nam

FTA là thỏa thuận ưu đãi giữa các bên tham gia ký kết về mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, thuế quan. Thực hiện cam kết FTA, các nước phải tiến hành việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan, phi thuế quan theo lộ trình nhằm tiến tới việc thành lập khu vực mậu dịch tự do. Việc hình thành các FTA đang là xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập, phát triển mà các quốc gia không thể đứng ngoài. Nhận thức rõ điều này, những năm qua, Việt Nam rất tích cực tham gia đàm phán, ký kết các FTA song phương và đa phương. Đến nay, Việt Nam đã chính thức tham gia, ký kết và thực hiện 8 FTA. Các hiệp định giữa Việt Nam với các đối tác cho thấy, Việt Nam luôn chủ động, tích cực tham gia đàm phán. Cụ thể là:

- FTA Việt Nam - EU được khởi động từ tháng 6/2012 tại Brussels (Bỉ), trải qua 10 phiên chính thức và nhiều phiên giữa kỳ, ngày

^(*) Cao đẳng Công thương Tp. Hồ Chí Minh

Bảng 1: Các hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương Việt Nam đã tham gia

TT	Các hiệp định
1	Khu vực thương mại tự do ASEAN (ATFA)
2	Hiệp định khung hợp tác kinh tế ASEAN – Trung Quốc (2002)
3	Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Trung Quốc (2004)
4	Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc (2006)
5	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (2008)
6	Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (2008)
7	Hiệp định thành lập khu thương mại tự do ASEAN – Australia – New Zealand (2009)
8	Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Ấn Độ (2009)
9	FTA song phương Việt Nam – Chi Lê (2011)

Nguồn: Bộ Công thương (năm 2013)

13/10/2014, Thủ tướng Chính phủ - Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) - Manuel Barroso đã có buổi thảo luận về kết thúc đàm phán FTA này. Hiện hai bên đang tập trung xử lý một số vấn đề then chốt để hướng tới việc thực hiện các cam kết đạt yêu cầu chất lượng cao và cân bằng trong tất cả các lĩnh vực đàm phán mở cửa thị trường (thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, mua sắm công) cũng như các quy định và quy tắc quản lý (đặc biệt là sở hữu trí tuệ, bao gồm chỉ dẫn địa lý của hai bên; DN nhà nước và bảo hộ đầu tư...).

- FTA Việt Nam - Hàn Quốc được khởi động từ tháng 8/2012, sau 8 phiên đàm phán chính thức và 8 phiên họp giữa kỳ, hai bên đã đi đến thống nhất nội dung Hiệp định với phạm vi toàn diện, mức độ cam kết cao và bảo đảm cân bằng lợi ích. Nhân dịp Hội nghị Cấp cao đặc biệt kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ đối thoại ASEAN - Hàn Quốc, ngày 10/12/2014 tại Bu-san (Hàn Quốc), hai nước đã ký Biên bản thỏa thuận về kết thúc đàm phán FTA Việt Nam - Hàn Quốc. Trong Hiệp định này, phía Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng nông nghiệp, thủy hải sản chủ lực, công nghiệp dệt, may, sản phẩm cơ khí và tạo cơ hội cho các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư, hỗ trợ

kỹ thuật trên nhiều lĩnh vực; phía Việt Nam dành ưu đãi cho Hàn Quốc với các nhóm hàng công nghiệp, nguyên phụ liệu dệt, may, nhựa, linh kiện điện tử, xe tải và xe con, phụ tùng ô tô, điện gia dụng, sắt thép, dây cáp điện, góp phần đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, tránh phụ thuộc vào một vài nước.

- FTA Việt Nam - Liên minh Hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan được khởi động vào tháng 3/2013. Sau 8 phiên đàm phán chính thức và nhiều phiên họp giữa kỳ ở cấp kỹ thuật, hai bên cũng đã thống nhất nội dung Hiệp định với phạm vi toàn diện, mức độ cam kết cao và bảo đảm cân bằng lợi ích, có tính đến điều kiện cụ thể của mỗi bên. Ngày 15/12/2014, hai bên đã ký Tuyên bố kết thúc đàm phán Hiệp định. Theo đó, phía Liên minh Hải quan đã dành cho Việt Nam ưu đãi về các mặt hàng nông sản (bao gồm tất cả các mặt hàng thủy sản) và hàng công nghiệp, như dệt, may, da giày, đồ gỗ và một số sản phẩm chế biến. Đồng thời, Việt Nam mở cửa thị trường theo lộ trình cho Liên minh Hải quan đối với một số sản phẩm chăn nuôi, hàng công nghiệp, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, góp phần làm đa dạng hóa thêm thị trường tiêu dùng trong nước.

Cuối năm 2015, Việt Nam sẽ chính thức tham gia vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Đồng thời, từ 01/01/2015, Việt Nam

hoàn toàn mở cửa thị trường bán lẻ theo cam kết WTO; cắt giảm 1.720 dòng thuế từ mức thuế suất 5% về 0%, theo FTA ASEAN. Năm 2015 chỉ còn 7% dòng thuế, tương đương với khoảng trên 600 mặt hàng được xem là nhạy cảm chưa cắt giảm về 0%.

2. Cơ hội của DNVVN khi Việt Nam tham gia FTA

DNVVN có vị trí hết sức đặc biệt trong nền kinh tế các nước, kể cả đối với các quốc gia có trình độ phát triển cao. Trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, vai trò của DNVVN lại càng quan trọng, **thể hiện ở một số nét cơ bản** như sau:

- DNVVN cung cấp lượng hàng hóa dịch vụ đáng kể cho nền kinh tế. Bởi lẽ, DNVVN chiếm đa số về mặt số lượng trong tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.

- DNVVN tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động. Thực tế những năm qua cho thấy, các DNVVN là nguồn tạo việc làm

của DNVVN trong giai đoạn hiện nay chính là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế.

- DNVVN góp phần vào sự năng động của nền kinh tế. DNVVN thường xuyên thay đổi để thích nghi với môi trường kinh doanh. Với quy mô nhỏ, cần ít vốn, DNVVN phát triển rộng khắp các địa bàn và các ngành, góp phần không nhỏ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu kinh tế ở vùng nông thôn.

Việc tích cực tham gia đàm phán và ký kết các FTA đã **mở ra nhiều cơ hội** cho các DN Việt Nam nói chung và DNVVN nói riêng, đó là:

Thứ nhất, thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam được mở rộng. Đến năm 2020, với việc hoàn tất ký kết và triển khai 15 FTA, Việt Nam sẽ trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới kết nối rộng lớn với 56 nền kinh tế, trong đó có 18 thành viên APEC và

Bảng 2: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu (%)

Quốc gia, Khu vực	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
ASEAN	17,7	16,7	16,7	16,5	15,3	14,3	14,1	15,2	13,9	12,7
Trung Quốc	9,9	8,1	7,5	7,7	9,5	10,7	12,0	11,2	10,0	9,9
Hàn Quốc	2,0	2,1	2,6	2,9	3,6	4,3	5,0	4,9	5,0	5,2
Nhật Bản	13,4	13,2	12,5	13,5	11,1	10,7	11,4	11,4	10,3	9,8
Hoa Kỳ	18,3	19,7	20,8	19,0	20,0	19,7	17,5	17,2	18,1	19,0
EU	17,0	17,8	18,7	17,4	16,5	15,8	17,1	17,7	18,4	18,6

Nguồn: Niên giám thống kê và Tình hình kinh tế - xã hội năm 2014

cho lao động ở tất cả các ngành, nhất là đối với lao động chưa qua đào tạo.

- DNVVN thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế, đồng thời khai thác và phát huy tốt các nguồn lực tại chỗ. Sự ra đời và phát triển

hầu hết các trung tâm kinh tế thế giới, qua đó nâng cao hình ảnh quốc gia, vị thế quốc tế của Việt Nam. Chỉ riêng giai đoạn 2011 - 2013, Việt Nam đã thu hút được 3.568 dự án FDI cấp mới, với số vốn đăng ký là 49.997 triệu USD, vốn thực hiện là 32.960 triệu USD và tạo việc làm cho hơn 5 triệu lao động⁽¹⁾... Hiện nay, Việt Nam đã tham gia vào 3 chuỗi giá trị có vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu: chuỗi giá trị lương thực và an ninh lương thực; chuỗi giá trị năng lượng

⁽¹⁾ Hạnh Phạm, *Doanh nghiệp Việt Nam trước vận hội và thách thức mới*, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/trao-doi---binh-luan/doanh-nghiep-truoc-van-hoi-va-thach-thuc-moi-59202.html>, ngày 16/03/2015

và an ninh năng lượng; chuỗi giá trị hàng dệt may và da giày. Một số sản phẩm của Việt Nam đã xác lập được thương hiệu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, như dầu khí, viễn thông, dệt may, một số sản phẩm nông sản (gạo, cà phê, hạt tiêu...).

Thứ hai, khi tham gia FTA, các DNVVN sẽ tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn đầu tư từ các nước vào Việt Nam. Điển hình như FTA Việt Nam - EU sẽ giúp thúc đẩy luồng vốn đầu tư chất lượng cao của EU vào Việt Nam. Với quy mô và tiềm năng của EU, Việt Nam có cơ hội trở thành địa bàn thu hút mạnh đầu tư của EU và là điểm trung chuyển, kết nối các hoạt động thương mại - đầu tư của EU tại khu vực ASEAN. Tác động này sẽ được cộng hưởng mạnh mẽ khi Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) hình thành.

Thứ ba, DN Việt Nam có cơ hội tiếp cận công nghệ sản xuất tiên tiến. Việc cắt giảm thuế xuất khẩu sang các nước đối tác FTA sẽ tạo động lực chuyển luồng đầu tư vào Việt Nam để hướng tới xuất khẩu sản phẩm cuối cùng sang EU, Nhật Bản... Điều này sẽ có tác động trực tiếp đối với DNVVN, đặc biệt đối với những người sản xuất sản phẩm trung gian và các thành phần được bao gồm trong sản phẩm cuối cùng xuất khẩu sang EU và thị trường nước ngoài khác. DN có cơ hội để đổi mới hệ thống máy móc thiết bị nhằm sản xuất ra những sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường các nước mà họ hướng tới.

Thứ tư, DN có cơ hội đào tạo đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao. Do yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và kỹ thuật về sản phẩm xuất khẩu của các thị trường FTA rất cao nên DN phải có đội ngũ lao động có chuyên môn,

kỹ thuật tốt mới có thể đáp ứng được đòi hỏi của thị trường.

3. Nhận diện những thách thức đối với DNVVN khi Việt Nam tham gia FTA

Trong quá trình tham gia các FTA, bên cạnh những cơ hội mở rộng và phát triển thị trường, các DNVVN cũng **đối diện với không ít thách thức**. Đó là:

- *DN phải đối diện với nhiều rào cản phi thuế quan*. Vấn đề hàng rào kỹ thuật, hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm của các đối tác FTA rất chặt chẽ, như EU đề cao tiêu chuẩn hàng hóa liên quan đến sức khỏe, đời sống của con người. Những yêu cầu về vệ sinh, kiểm dịch; đóng gói, bao bì; khả năng truy soát nguồn gốc và thủ tục hải quan nghiêm ngặt... Các tiêu chuẩn do EU áp đặt thường nằm trong số các tiêu chuẩn cao nhất trên thế giới và khó đạt được nhất. Đây là thách thức đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

- *Năng lực cạnh tranh của DNVVN còn yếu, nguy cơ mất thị trường nội địa*. Khi Việt Nam ký kết các FTA, nếu không tận dụng tốt, các DN Việt Nam không chỉ mất cơ hội chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, mà ngay thị trường nội địa cũng khó có thể giữ vững. Một số ngành có thể chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong thời gian tới. Chẳng hạn, ngành công nghiệp ô tô: Các DN ngành này chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các DN nước ngoài khi Việt Nam mở cửa thị trường. Hơn nữa, công nghiệp phụ trợ đối với ngành công nghiệp ô tô hiện nay ở Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu, quy mô thị trường nhỏ là những điểm bất lợi trong thu hút đầu tư vào ngành này. Thời gian tới, khi thuế suất nhập khẩu ô tô ngày

càng giảm, ngành ô tô trong nước sẽ còn khó khăn hơn nếu không tạo được sự khác biệt.

Đối với các sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi và thủy hải

Bảng 3: Lộ trình cắt giảm thuế đối với ô tô, xe máy trong khu vực ASEAN

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Mức thuế suất nhập khẩu	50%	50%	40%	30%	0%

Nguồn: Bộ Tài chính

sản: khi tham gia FTA, việc giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Hiện tại, thị trường thức ăn chăn nuôi, giống, thuốc thú y và sản phẩm đầu ra bị khống chế bởi các DN nước ngoài. Ngành nông nghiệp với các mặt hàng, như thịt gà, lợn, bò... là lợi thế của Hoa Kỳ, hoặc mặt hàng đường là thế mạnh của Australia. Một số ngành khác, như tài chính ngân hàng, logistic cũng chịu sức ép rất lớn khi Việt Nam tham gia sân chơi FTA.

- *Nhận thức về FTA và năng lực hội nhập quốc tế của DN còn hạn chế.* Theo kết quả khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2014, có tới 76% DN Việt Nam không hiểu về Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), 94% DN không nắm được các nội dung đàm phán trong AEC, gần 63% DN không nắm được cơ hội, thách thức của AEC. Nguyên nhân có nhiều, nhưng tựu chung là do công tác tuyên truyền, phổ biến chưa mạnh mẽ; DN không được tham gia tham vấn vào các nội dung đàm phán và không tích cực, chủ động tìm kiếm thông tin... Theo lộ trình đến năm 2018, Việt Nam sẽ phải thực hiện nền kinh tế thị trường đầy đủ. Theo đó, Việt Nam sẽ phải cải cách mạnh mẽ theo hướng đồng tiền nội địa tiến tới tự do chuyển đổi; Tiền lương, tiền công do chủ, thợ thỏa thuận quyết định; Giá cả hàng hóa, dịch vụ do thị trường điều tiết; Quyền kinh doanh của DN trong và ngoài nước tiến tới như nhau. Đây là thách thức rất lớn đối với DNVVN nếu không nhận thức được lộ trình hội nhập để có chiến lược kinh doanh phù hợp trong điều kiện cạnh tranh bình đẳng với DN nước ngoài.

- *Khả năng tài chính và quản lý tài chính của DN còn hạn chế.* Hầu hết các DNVVN bắt đầu phát triển bằng vốn do chủ DN sở hữu, với mức đầu tư ban đầu rất hạn chế. Khi bước đầu thu lợi nhuận và đi vào sản xuất ổn định,

DNVVN mong muốn gia tăng vốn để mở rộng đầu tư sản xuất - kinh doanh và phát triển sản phẩm mới. Tuy nhiên, các DNVVN gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận các nguồn vốn, như giới hạn mức vốn được vay, lãi suất tín dụng cao, khó khăn trong việc duy trì khoản nợ vay và giữ uy tín với ngân hàng. Thực tế cho thấy, việc các DNVVN giải thể và phá sản thời gian qua chủ yếu do khó khăn về tài chính.

- Mặc dù đã được rà soát, xây dựng mới và từng bước được hoàn thiện, nhưng *hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ, nhất quán và ổn định...* Đây chính là một trong những nguyên nhân gây bất lợi cho Việt Nam khi va chạm và giải quyết các vụ tranh chấp và kiện quốc tế.

4. Một số giải pháp cho DNVVN phát triển trong môi trường hội nhập FTA

Để tham gia các FTA hiệu quả, các DNVVN của Việt Nam *cần thực hiện các giải pháp* sau:

Một là, xây dựng chiến lược kinh doanh theo hướng chủ động và luôn sẵn sàng hội nhập. Một trong những yếu tố tạo nên sự lớn mạnh, sự bứt phá của DN chính là tư duy kinh doanh của các nhà quản trị DN. Hiện nay, rất nhiều DNVVN chưa xác định rõ sản phẩm và dịch vụ chủ đạo; đặt mục tiêu tăng trưởng và lợi nhuận lên trên mục tiêu an toàn và chất lượng; quản trị rủi ro tác động đến dòng tiền yếu, quản trị khả năng thanh toán yếu.

Hai là, xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp thông tin hoàn thiện. Hệ thống này sẽ cung cấp các thông tin cần thiết trong quá trình hoạt động của DN, như phương pháp hoạch định chiến lược, ra quyết định đầu tư; thông tin về việc thay đổi hoặc ban hành chính sách và pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh; thông tin về trình tự, thủ tục hành chính, tư pháp; thông tin về những cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế... Ngoài ra, tự bản thân DN phải nỗ lực trong việc hình thành và phát triển bộ phận thu thập và xử lý thông tin chuyên nghiệp.

Ba là, đổi mới hoạt động quản trị DN, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá thương hiệu. DN cần rà soát lại danh mục đầu tư, kinh doanh, thực hiện đổi mới việc kinh doanh; cần thực hiện các biện pháp nhằm cấu trúc lại tổ chức, tối ưu hóa việc sản xuất - kinh doanh theo hướng tăng năng suất, chất lượng, chống lãng phí và tiết kiệm nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Để làm được việc này, các DN cần thường xuyên tìm kiếm, đổi mới và cải tiến công nghệ, bên cạnh việc tạo dựng mẫu mã và kiểu dáng đẹp, hấp dẫn của sản phẩm. Trong quá trình cải tiến và đổi mới công nghệ, các doanh nghiệp sẽ tìm ra các giải pháp, quy trình và bí quyết kỹ thuật.

Bốn là, lựa chọn sản xuất và xuất khẩu ở những lĩnh vực DN có lợi thế, đồng thời tăng cường mở rộng liên kết hợp tác. Năng lực cạnh tranh sẽ gia tăng sau khi các DN thực hiện liên kết trong sản xuất - kinh doanh. Bên cạnh đó, công tác phân công lao động sẽ giải quyết khó khăn về nguồn lực tài chính, do tiết giảm chi phí đầu tư máy móc thiết bị. Chất lượng sản phẩm gia tăng từ kết quả của hoạt động chuyên môn hóa cao. Ngoài ra, việc các DN chia sẻ thông tin, tận dụng mạng lưới phân phối và thế mạnh của nhau để gia tăng thị phần, cũng sẽ giúp các DNVVN đối mặt với các thách thức về thị trường. Mặt khác, cần nâng cao hơn nữa vai trò đặc biệt quan trọng của các hiệp hội ngành, nghề, câu lạc bộ doanh nhân trong việc kết nối các DN, giao lưu trao đổi thông tin, hỗ trợ phát triển chuyên môn, đẩy mạnh xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Năm là, cơ cấu lại chất lượng nguồn nhân lực: DNVVN cần đẩy mạnh công tác đào tạo công nghệ - kỹ thuật tiên tiến và nâng cao tay nghề cho người lao động. Chất lượng đội ngũ nhân sự gia tăng sẽ đưa đến nhiều thuận lợi trong việc đổi mới quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, cũng như triển khai phát triển sản phẩm mới, nhằm nâng

cao năng lực cạnh tranh. Cùng với đó, chế độ lương thưởng và đãi ngộ đối với nhân tài cần nhận được sự quan tâm đúng mức.

Sáu là, về phía các cơ quan quản lý nhà nước: cần triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ, giúp DNVVN vượt qua khó khăn, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. DNVVN cần tận dụng tối đa sự hỗ trợ của cơ quan quản lý thông qua các chương trình, như Chương trình hỗ trợ tài chính, tín dụng, Chương trình đổi mới khoa học - công nghệ quốc gia, Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các DNVVN, Chương trình nâng cao năng lực quản lý (thuộc Chương trình khuyến công quốc gia), Nâng cao năng lực pháp lý cho DN (thuộc Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành)...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công thương, *Báo cáo kết quả Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 46*, HN. 2014
2. Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 - 2015 của Thủ tướng Chính phủ
3. *Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đối với kinh tế Việt Nam - Dự án hỗ trợ thương mại đa biên*
4. Hiệp định đối tác toàn diện ASEAN - Nhật Bản, Nxb Công thương, HN. 2012; Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc, Nxb Công thương, HN. 2012; Hiệp định thương mại hàng hóa trong khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Nxb Công thương, HN. 2012
5. Hoàng Văn Châu, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP và vấn đề tham gia của Việt Nam, 2014
6. Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN giai đoạn 2015 - 2018
7. Tài liệu Hội thảo: *Hội thảo Giới thiệu về đàm phán FTA Việt Nam - Hàn Quốc; Việt Nam - EU; Việt Nam - Liên minh Hải quan* (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)